

Số: **6 9 6 9** /BCT-VP
V/v công bố, công khai rà soát,
cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục
hành chính nội bộ

Hà Nội, ngày **15** tháng **9** năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị thuộc Bộ

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 8536/VPCP-KSTT về việc hướng dẫn công bố, công khai, rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ; về việc này, Bí thư Đảng ủy, Bộ trưởng Bộ Công Thương yêu cầu các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ được giao tập trung thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ sau:

1. Thực hiện rà soát công bố, công khai thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý.

Kịp thời tham mưu cho Lãnh đạo Bộ ban hành Quyết định công bố thủ tục hành chính nội bộ quy định trong các văn bản về ngành, lĩnh vực (bao gồm cả quy phạm pháp luật và không quy phạm pháp luật) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ đảm bảo về nội dung, biểu mẫu và thời gian theo các trường hợp được hướng dẫn tại Phần A của Phụ lục ban hành kèm theo Công văn số 8536/VPCP-KSTT (Công văn gửi kèm theo).

2. Tập trung nguồn lực, quyết liệt thực thi các phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ đã được phê duyệt tại Quyết định số 1643/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và Quyết định số 1871/QĐ-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương, đảm bảo tiến độ và chất lượng theo quy định.

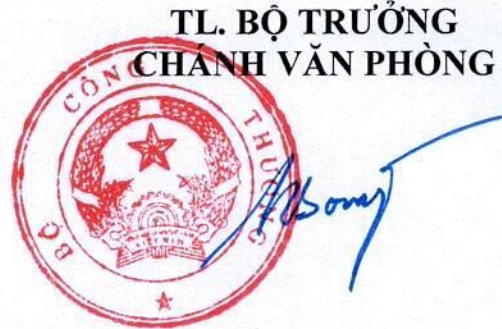
Đồng thời, tiếp tục thực hiện rà soát, đề xuất giải pháp về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 theo hướng dẫn tại Phần B của Phụ lục ban hành kèm theo Công văn số 8536/VPCP-KSTT (Công văn gửi kèm theo).

3. Các đồng chí Thứ trưởng theo lĩnh vực được giao phân công phụ trách tập trung chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị liên quan thực hiện nghiêm túc, kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ nêu trên.

Văn phòng Bộ kính báo cáo các đồng chí Thứ trưởng và thông báo để các đơn vị biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Thứ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, VP (THCC).



**TL. BỘ TRƯỞNG
CHẠNH VĂN PHÒNG**

Khiếu Ngọc Sáng

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8536/VPCP-KSTT
V/v hướng dẫn công bố, công khai;
rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa
thủ tục hành chính nội bộ.

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2025

Kính gửi:

- Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao về hướng dẫn chuẩn hóa, thống nhất về phạm vi công bố thủ tục hành chính nội bộ theo thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh (*khoản 2 mục III Nghị quyết số 268/NQ-CP ngày 31/8/2025 về tình hình triển khai thực hiện và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp*), Văn phòng Chính phủ xây dựng Hướng dẫn Công bố, công khai; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ (*tại Phụ lục kèm theo*) và đề nghị các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc:

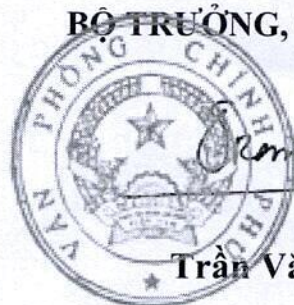
1. Nghiên cứu, vận dụng Hướng dẫn nêu trên để thực hiện các nhiệm vụ công bố, công khai, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết.

2. Tập trung nguồn lực, quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025.

Trong quá trình thực hiện, đề nghị các bộ, cơ quan, địa phương kịp thời phản ánh về những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị (nếu có)¹ để Văn phòng Chính phủ hỗ trợ theo thẩm quyền và tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đảng ủy Chính phủ (để b/c);
- TTGCP, PTTgTTCP Nguyễn Hòa Bình (để b/c);
- VPCP: BTCN, các PCN,
Trợ lý TTGCP, các vụ, cục, đơn vị;
- Lưu: VT, KSTT (2). NTTL

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM

Trần Văn Sơn

¹ Thông tin liên hệ: Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng Chính phủ, SĐT: 08040521.

Phụ lục

**HƯỚNG DẪN CÔNG BỐ, CÔNG KHAI; RÀ SOÁT, CẮT GIẢM,
ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ**

(Kèm theo Công văn số: /VPCP-KSTT ngày tháng 9 năm 2025
của Văn phòng Chính phủ)

Phần A.

HƯỚNG DẪN CÔNG BỐ, CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

I. THẨM QUYỀN, PHẠM VI CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

Thủ tục hành chính nội bộ (TTHC NB) được công bố bằng hình thức quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, cụ thể như sau:

1. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ công bố

a) TTHC NB được quy định trong văn bản về ngành, lĩnh vực (bao gồm cả quy phạm pháp luật và không quy phạm pháp luật) thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ.

b) TTHC NB được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

c) Trường hợp bộ, cơ quan ngang bộ quy định chi tiết theo thẩm quyền các bộ phận tạo thành của TTHC NB nêu tại điểm a khoản này để thực hiện trong phạm vi bộ, cơ quan ngang bộ, phải công bố đầy đủ các bộ phận tạo thành này và căn cứ pháp lý là văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quy định TTHC NB (nếu có).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố công bố

a) Danh mục TTHC NB thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, thành phố, trên cơ sở nội dung TTHC NB do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ công bố tại điểm a khoản 1.

b) TTHC NB được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

c) Trường hợp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quy định chi tiết theo thẩm quyền các bộ phận tạo thành của TTHC NB nêu tại điểm a khoản này để thực hiện trên địa bàn tỉnh, thành phố, phải công bố đầy đủ các bộ phận tạo thành này và căn cứ pháp lý là văn bản của Hội

đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quy định TTHC NB (nếu có).

II. QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC NB

1. Thời hạn ban hành

a) Quyết định công bố TTHC NB của các cơ quan quy định tại điểm a khoản 1 được ban hành chậm nhất trước 20 ngày tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật quy định TTHC NB có hiệu lực thi hành; trường hợp TTHC NB quy định tại văn bản không phải là văn bản quy phạm pháp luật, quyết định công bố TTHC NB được ban hành chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy định TTHC NB được ban hành.

b) Quyết định công bố danh mục TTHC NB của các cơ quan quy định tại điểm a khoản 2 được ban hành chậm nhất trước 05 ngày tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật quy định TTHC NB có hiệu lực thi hành; trường hợp TTHC NB quy định tại văn bản không phải là văn bản quy phạm pháp luật, quyết định công bố TTHC NB được ban hành chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy định TTHC NB được ban hành.

c) Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, quyết định công bố TTHC NB được ban hành chậm nhất là sau 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy phạm pháp luật quy định TTHC NB được thông qua hoặc ký ban hành.

d) TTHC NB tại điểm b, c khoản 1, điểm b, c khoản 2 nếu là văn bản quy phạm pháp luật thì được ban hành chậm nhất trước 05 ngày tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật quy định TTHC NB có hiệu lực thi hành, nếu không phải văn bản quy phạm pháp luật thì được ban hành chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy định TTHC NB được ban hành, nếu là văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành thì thực hiện theo điểm c khoản này.

2. Nội dung Quyết định công bố

a) Nội dung Quyết định công bố TTHC NB mới ban hành gồm:

- Tên TTHC NB; trình tự thực hiện; cách thức thực hiện; thành phần, số lượng hồ sơ; thời hạn giải quyết; đối tượng thực hiện TTHC NB; cơ quan giải quyết TTHC NB; mẫu đơn, mẫu văn bản đề nghị (nếu có); kết quả thực hiện TTHC NB (nếu có); yêu cầu, điều kiện (nếu có).

- Căn cứ pháp lý của TTHC NB.

b) Nội dung Quyết định công bố TTHC NB được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế gồm:

- Các nội dung tại điểm a khoản này.
- Các bộ phận tạo thành của TTHC NB được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; căn cứ pháp lý của TTHC NB.

c) Nội dung Quyết định công bố TTHC NB bị bãi bỏ gồm:

- Tên TTHC NB bị bãi bỏ, mã số TTHC NB trong trường hợp là TTHC NB tại điểm a khoản 1 mục I Hướng dẫn này.
- Căn cứ pháp lý của TTHC NB.

3. Mẫu Quyết định công bố

Thực hiện theo *các Mẫu 01a, 01b kèm theo*.

III. CÔNG KHAI TTHC NB

1. Thông tin về TTHC NB đã được công bố được công khai theo các hình thức sau:

a) Đối với các TTHC tại điểm a khoản 1 mục I: Công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

b) Đối với các TTHC còn lại: Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

2. Ngoài hình thức công khai bắt buộc tại điểm a, việc công khai TTHC NB có thể thực hiện theo các hình thức khác phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị và đối tượng thực hiện TTHC.

IV. MỘT SỐ LƯU Ý VỀ CÔNG BỐ TTHC NB SAU KHI SẮP XẾP, TÍNH GỌN TỔ CHỨC BỘ MÁY CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ VÀ TRIỂN KHAI MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP

1. Trên cơ sở kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC NB sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy các bộ, cơ quan ngang bộ và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, các bộ, cơ quan, địa phương thực hiện công bố, công khai TTHC NB theo hướng dẫn tại các mục I, II, III.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ lưu ý thống kê, công bố đầy đủ TTHC NB giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ (*Ví dụ: Bộ Tài chính (theo mô hình tổ chức từ ngày 01/3/2025) sẽ công bố các TTHC NB trên các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước đây*).

3. Các TTHC nội bộ thực hiện trong một bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương sau khi sáp nhập thường không thay đổi nhiều, chỉ cần rà soát, điều chỉnh để hoàn thiện, phù hợp với cơ cấu mới (Ví dụ: Khi các bộ, đơn vị thuộc 02 bộ trở lên hoặc 02 địa phương trở lên sáp nhập, các TTHC NB thuộc các lĩnh vực như: kế hoạch, chiến lược, nhân sự, tài chính - kế toán, văn thư lưu trữ, quản lý tài sản, thi đua - khen thưởng, hành chính - tổng hợp... về cơ bản vẫn được giữ nguyên, không phát sinh tăng hoặc giảm).

Chỉ trong một số ít trường hợp, số lượng TTHC nội bộ mới được điều chỉnh (tăng hoặc giảm) khi đối tượng thực hiện các TTHC có thay đổi tương ứng (Ví dụ: Sau khi sắp xếp, bộ hoặc cơ quan ngang bộ có sự thay đổi về doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc thẩm quyền thành lập hoặc quản lý, thì sẽ có sự thay đổi về TTHC NB liên quan đến chia, tách, sáp nhập, tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh, giải thể doanh nghiệp).

Phần B.

HƯỚNG DẪN RÀ SOÁT, CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

I. YÊU CẦU

1. Yêu cầu chung

Việc rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC NB bảo đảm các yêu cầu về tính cần thiết, hợp lý, hợp pháp và với chi phí thực hiện thấp nhất; quy định đầy đủ, rõ ràng, bảo đảm tính khả thi của TTHC NB để tạo thuận lợi cho đối tượng thực hiện và cơ quan giải quyết TTHC NB.

2. Yêu cầu cụ thể

a) Tên TTHC NB: Tên TTHC NB được quy định rõ ràng, cụ thể, ngắn gọn; chính xác và thống nhất trong tất cả các văn bản có quy định về TTHC NB đó.

Tên TTHC NB gồm: Từ hoặc cụm từ chỉ hành động của cơ quan nhà nước kết hợp với tên kết quả của TTHC NB và kết hợp đối với từng đối tượng, lĩnh vực cụ thể (nếu có) hoặc kết hợp với cụm từ chỉ sự vật, sự việc mà cơ quan nhà nước muốn quản lý hoặc đối tượng thực hiện TTHC NB mong muốn đạt được.

b) Trình tự thực hiện TTHC NB: Trình tự thực hiện TTHC NB được quy định rõ ràng, cụ thể các bước thực hiện; phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của các cơ quan, tổ chức, cá nhân cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia thực hiện. Đồng thời, các bước thực hiện phải được sắp xếp theo thứ tự phù hợp về thời gian, quy trình và cấp có thẩm quyền xử lý; áp dụng tối đa cơ chế liên thông.

c) Cách thức thực hiện TTHC NB: Cách thức thực hiện TTHC NB được quy định rõ ràng, cụ thể; phù hợp điều kiện của cơ quan giải quyết TTHC NB và tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho đối tượng thực hiện với chi phí thấp nhất.

d) Hồ sơ: Hồ sơ để giải quyết TTHC NB được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ, số lượng bộ hồ sơ. Thành phần hồ sơ, số lượng từng thành phần hồ sơ phải thực sự cần thiết cho việc giải quyết TTHC NB, đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện được pháp luật quy định, bảo đảm mục tiêu quản lý nhà nước; thành phần hồ sơ không trùng với thành phần hồ sơ của TTHC NB khác có kết quả là thành phần hồ sơ của TTHC NB dự kiến quy định/rà soát hoặc thành phần hồ sơ là kết quả do chính cơ quan giải quyết TTHC NB đang quản lý; quy cách của thành phần hồ sơ đa dạng, dễ thực hiện để tạo thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

đ) Thời hạn giải quyết TTHC NB: Thời hạn giải quyết TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể (thời hạn của từng khâu: lấy ý kiến, thẩm định, kiểm tra, đánh giá...), đồng thời quy định rõ thời hạn tính từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định đến ngày trả kết quả (bao trùm cả các thời hạn lấy ý kiến, thẩm định, kiểm tra, đánh giá...); bảo đảm tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện, phù hợp với khả năng của cơ quan giải quyết TTHC NB.

Trong trường hợp một TTHC NB do nhiều cơ quan có thẩm quyền tham gia vào quá trình giải quyết thì quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan.

e) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Đối tượng thực hiện TTHC NB được quy định rõ ràng, cụ thể; bảo đảm phù hợp.

g) Cơ quan thực hiện TTHC NB: Cơ quan thực hiện TTHC NB được quy định phù hợp với thẩm quyền quản lý nhà nước của từng cấp hành chính hoặc địa giới hành chính theo quy định của pháp luật; thuận tiện cho đối tượng thực hiện trong việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền giải quyết; bảo đảm áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết TTHC NB.

h) Mẫu đơn, mẫu văn bản đề nghị:

Trường hợp TTHC NB yêu cầu có đơn, văn bản đề nghị..., phải mẫu hóa đơn, văn bản đề nghị, hoặc phải quy định đầy đủ những nội dung cần có trong đơn, văn bản đề nghị. Từng nội dung thông tin tại mẫu đơn, văn bản đề nghị... phải rõ ràng, ngắn gọn, thực sự cần thiết cho việc giải quyết TTHC NB, tăng tính chịu trách nhiệm của đối tượng thực hiện đối với những nội dung tại đơn, văn bản đề nghị.

Trong trường hợp đơn, văn bản đề nghị... cần phải có xác nhận của cơ quan, người có thẩm quyền thì quy định rõ cơ quan, người có thẩm quyền xác nhận và nội dung xác nhận.

i) Yêu cầu, điều kiện:

Yêu cầu, điều kiện của TTHC NB được quy định rõ ràng, cụ thể, cần thiết đối với yêu cầu quản lý nhà nước, phù hợp với khả năng đáp ứng đối tượng thực hiện; phân định rõ trách nhiệm chứng minh yêu cầu, điều kiện; không quy định yêu cầu, điều kiện trùng với yêu cầu, điều kiện của một TTHC khác có kết quả là thành phần hồ sơ của TTHC dự kiến ban hành, sửa đổi, bổ sung. Lưu ý các tiêu chí làm căn cứ để cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, giải quyết TTHC NB cũng là một dạng yêu cầu, điều kiện của TTHC NB.

k) Kết quả thực hiện TTHC NB

Kết quả giải quyết TTHC NB cần được mẫu hóa để tạo thuận lợi cho cơ quan giải quyết TTHC NB. Hình thức, thời hạn có hiệu lực và điều kiện có hiệu lực (nếu có) của kết quả của TTHC NB được quy định rõ ràng, thuận tiện, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, với quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của đối tượng thực hiện và tình hình thực tiễn.

II. PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA TTHC NB

1. Thẩm quyền phê duyệt

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC NB thuộc thẩm quyền ban hành của bộ, cơ quan ngang bộ.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC NB thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân (trường hợp TTHC NB do Ủy ban nhân dân tham mưu, trình), Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

c) Đối với TTHC NB thuộc thẩm quyền ban hành của Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội, các bộ, cơ quan ngang bộ tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa.

2. Hồ sơ trình phương án

a) Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ

- Tờ trình dự thảo Quyết định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Các thông tin cần có trong Tờ trình Thủ tướng Chính phủ, gồm: Số lượng TTHC được rà soát/tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan; số lượng TTHC đề xuất cắt giảm/tổng số TTHC được rà soát; tỷ lệ cắt giảm TTHC/tổng số TTHC được rà soát; tỷ lệ cắt giảm TTHC/tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý; tỷ

lệ cắt giảm chi phí thực hiện TTHC/tổng số TTHC được rà soát; tỷ lệ cắt giảm chi phí thực hiện TTHC/tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý; kèm theo Bản tổng hợp kết quả cắt giảm chi phí thực hiện TTHC nội bộ.

- Dự thảo Quyết định và phương án đơn giản hóa kèm theo. Phương án đơn giản hóa phải đáp ứng các yêu cầu cụ thể tại mục II.1 Hướng dẫn này.

- Báo cáo kết quả rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ (**Mẫu 02 kèm theo**).

- Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình kiến của bộ, cơ quan, địa phương, các tổ chức, đơn vị liên quan.

b) Hồ sơ trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ hướng dẫn tại điểm a khoản này, Văn phòng Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hướng dẫn hồ sơ trình phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ tại bộ, địa phương mình.

III. MỘT SỐ LƯU Ý VỀ RÀ SOÁT TTHC NB SAU KHI SẮP XẾP, TÍNH GỌN TỔ CHỨC BỘ MÁY CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ VÀ TRIỂN KHAI MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP

1. Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy các bộ, cơ quan ngang bộ và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, các bộ, cơ quan, địa phương cần thực hiện rà soát tổng thể TTHC NB thuộc phạm vi quản lý và thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền giải quyết thuộc bộ, cơ quan, địa phương mình đã được công bố để thực hiện việc chuẩn hóa, công bố, công khai.

2. Trường hợp có sự điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong nội bộ bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, dẫn đến thay đổi về thẩm quyền, quy trình của TTHC NB thì cần rà soát, điều chỉnh các quy định về TTHC NB.

3. Trường hợp TTHC NB hiện đang quy định là ít nhất 02 TTHC khác nhau của ít nhất 02 bộ, cơ quan trước khi sắp xếp và sau khi sắp xếp trở thành 01 bộ, cơ quan (nếu có), thì rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC NB; trường hợp TTHC NB có trình tự thực hiện liên quan đến ít nhất 02 đơn vị khác nhau của 02 bộ, cơ quan và sau khi sắp xếp trở thành các đơn vị trong cùng 01 bộ, cơ quan (nếu có), thì rà soát, đơn giản hóa trình thực hiện TTHC NB.

Mẫu 01a**MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
CỦA BỘ TRƯỞNG, THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NGANG BỘ****BỘ A****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-...

..., ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành/ được sửa đổi,
bổ sung hoặc thay thế/bị bãi bỏ lĩnh vực thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Bộ A****BỘ TRƯỞNG BỘ A**

Căn cứ Nghị định số ... ngày ... của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ A;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục X/ ...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành/thủ tục hành chính nội bộ được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/thủ tục hành chính nội bộ bị bãi bỏ lĩnh vực ... thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ A.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... (*đúng vào ngày văn bản QPPL có nội dung quy định về TTHC NB có hiệu lực thi hành, trường hợp văn bản không là văn bản QPPL thì có hiệu lực kể từ ngày ký*).

Bãi bỏ... (ghi rõ các nội dung công bố hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành) tại Quyết định số

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cơ quan, Thủ trưởng các vụ, cục, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

-

BỘ TRƯỞNG*(Ký tên, dấu)*

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH/SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
HOẶC THAY THẾ/ BỊ BỎ LĨNH VỰC... THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ A**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-BA ngày ... tháng ... năm ...
của Bộ trưởng Bộ A)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Danh mục TTHC NB mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ A

STT		Tên TTHC NB	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	A. TTHC NB cấp trung ương			
1		Thủ tục a		
2		Thủ tục b		
n				
	B. TTHC NB cấp tỉnh			
1		Thủ tục c		
2		Thủ tục d		
n				
	C. TTHC NB cấp xã			
1		Thủ tục đ		
2		Thủ tục e		
n				

2. Danh mục TTHC NB được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ A

STT	Mã số TTHC NB ⁽¹⁾	Tên TTHC NB	Tên VB quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế ⁽²⁾	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	A. TTHC NB cấp trung ương				
1		Thủ tục a			

2		Thủ tục b			
n					
B. TTHC NB cấp tỉnh					
1		Thủ tục c			
2		Thủ tục d			
n					
C. TTHC NB cấp xã					
1		Thủ tục đ			
2		Thủ tục e			
n					

Chú thích:

- (1) Trường hợp TTHC NB tại điểm a khoản 1 mục I Hướng dẫn này.
 (2) Nêu rõ tên, số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu của các văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Danh mục TTHC NB được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ A

ST T	Mã số TTHC NB ⁽¹⁾	Tên TTHC NB được thay thế	Tên TTHC NB thay thế	Tên VB quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế ⁽²⁾	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. TTHC NB cấp trung ương						
1		Thủ tục a	Thủ tục a1			
2		Thủ tục b	Thủ tục b1			
n						
B. TTHC NB cấp tỉnh						
1		Thủ tục c	Thủ tục cd1			
2		Thủ tục d				
n						

C. TTHC NB cấp xã						
1		Thủ tục đ	Thủ tục đ1			
2			Thủ tục đ2			
n						

Chú thích:

- (1) Trường hợp TTHC NB tại điểm a khoản 1 mục I Hướng dẫn này.
 (2) Nêu rõ tên, số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu của các văn bản quy định nội dung thay thế.

4. Danh mục TTHC NB bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ A

STT	Mã số TTHC NB ⁽¹⁾	Tên TTHC NB	Tên VB quy định việc bãi bỏ TTHC NB ⁽²⁾	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. TTHC NB cấp trung ương					
1		Thủ tục a			
2		Thủ tục b			
n					
B. TTHC NB cấp tỉnh					
1		Thủ tục c			
n					
C. TTHC NB cấp xã					
1		Thủ tục đ			
2		Thủ tục e			
n					

Chú thích:

- (1) Trường hợp TTHC NB tại điểm a khoản 1 mục I Hướng dẫn này.
 (2) Nêu rõ tên, số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu của văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC NB.

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ A

A. TTHC NB cấp trung ương

I. Lĩnh vực...

1. Tên thủ tục a

- Trình tự thực hiện:
- Cách thức thực hiện:
- Thành phần, số lượng hồ sơ:
- Thời hạn giải quyết:
- Đối tượng thực hiện TTHC NB:
- Cơ quan giải quyết TTHC NB:
- Kết quả thực hiện TTHC NB:
- Phí, lệ phí (nếu có):
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai *(nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục a)*:
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB (nếu có):
- Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

.....

n. Thủ tục n

II. Lĩnh vực...

1. Tên thủ tục ...

B. TTHC NB cấp tỉnh

I. Lĩnh vực...

1. Tên thủ tục c

- Trình tự thực hiện:
- Cách thức thực hiện:
- Thành phần, số lượng hồ sơ:
- Thời hạn giải quyết:
- Đối tượng thực hiện TTHC NB:
- Cơ quan giải quyết TTHC NB:
- Kết quả thực hiện TTHC NB:
- Phí, lệ phí (nếu có):
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai *(nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục c)*:

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB (nếu có):

- Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

.....

n. Thủ tục n

II. Lĩnh vực...

1. Tên thủ tục ...

C. TTHC NB cấp xã

I. Lĩnh vực...

1. Tên thủ tục đ

- Trình tự thực hiện:

- Cách thức thực hiện:

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thời hạn giải quyết:

- Đối tượng thực hiện TTHC NB:

- Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Kết quả thực hiện TTHC NB:

- Phí, lệ phí (nếu có):

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai *(nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục c)*:

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB (nếu có):

- Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

.....

n. Thủ tục n

Lưu ý:

- Đối với những TTHC NB được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, ngoài việc nêu rõ thông tin trên, phải xác định rõ bộ phận nào của TTHC NB được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế *(bằng cách ghi chú ngay sau từng thủ tục)*.

- Đối với những TTHC NB bị bãi bỏ, không phải thống kê theo nội dung nêu trên nhưng phải xác định rõ tên TTHC NB bị bãi bỏ. Trường hợp TTHC NB đã được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Quyết định công bố phải ghi rõ mã số TTHC, văn bản có quy định việc bãi bỏ TTHC NB./.

Mẫu 01b.

**MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-UBND

....., ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X/UBND cấp xã tỉnh A**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày tháng năm 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở X,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực ... thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X/UBND cấp xã tỉnh A.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày (đúng vào ngày văn bản QPPL có nội dung quy định về TTHC NB có hiệu lực thi hành, trường hợp văn bản không là văn bản QPPL thì có hiệu lực kể từ ngày ký).

Bãi bỏ... (ghi rõ các nội dung công bố hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành) tại Quyết định số

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh/Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; UBND các xã (phường, thị trấn) và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KS TTHC, Văn phòng Chính phủ;
-
- Lưu:

CHỦ TỊCH

(Ký tên, dấu)

Nguyễn Văn A

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC ... THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ X/ UBND CẤP XÃ TỈNH A**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Danh mục TTHC NB mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X/UBND cấp xã

STT	Tên TTHC NB
I. Lĩnh vực...	
1	Thủ tục a
2	Thủ tục b
n	
II. Lĩnh vực...	
1	Thủ tục c
2	Thủ tục d
n	

2. Danh mục TTHC NB được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X/ UBND cấp xã

STT	Mã số TTHC NB ⁽¹⁾	Tên TTHC NB	Tên VB quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế ⁽²⁾
I. Lĩnh vực...			
1		Thủ tục a	
2		Thủ tục b	
n			
II. Lĩnh vực...			
1		Thủ tục c	
2		Thủ tục d	

n			
---	--	-------	--

Chú thích:

- (1) Trường hợp TTHC NB tại điểm a khoản 1 mục I Hướng dẫn này.
 (2) Nêu rõ tên, số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu của các văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung.

3. Danh mục TTHC NB được thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X/ UBND cấp xã

ST T	Mã số TTHC NB ⁽¹⁾	Tên TTHC NB được thay thế	Tên TTHC NB thay thế	Tên VB quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế ⁽²⁾	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I. Lĩnh vực.....						
1		Thủ tục a	Thủ tục a1			
n						
II. Lĩnh vực.....						
1		Thủ tục c	Thủ tục cd1			
2		Thủ tục d				
n						
III. Lĩnh vực.....						
1		Thủ tục đ	Thủ tục đ1			
2			Thủ tục đ2			
n						

Chú thích:

- (1) Trường hợp TTHC NB tại điểm a khoản 1 mục I Hướng dẫn này.
 (2) Nêu rõ tên, số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu của các văn bản quy định nội dung thay thế.

4. Danh mục TTHC NB bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X/ UBND cấp xã

STT	Mã số TTHC NB ⁽¹⁾	Tên TTHC NB	Tên VB quy định việc bãi bỏ TTHC NB ⁽²⁾
I. Lĩnh vực...			
1		Thủ tục a	
n			
II. Lĩnh vực...			
1		Thủ tục c	
n			

Chú thích:

(1) Trường hợp TTHC NB tại điểm a khoản 1 mục I Hướng dẫn này.

(2) Nêu rõ tên, số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu của văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC NB.

**PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ X/ UBND CẤP XÃ TỈNH A**

I. Lĩnh vực...**1. Tên thủ tục a**

- Trình tự thực hiện:
- Cách thức thực hiện:
- Thành phần, số lượng hồ sơ:
- Thời hạn giải quyết:
- Đối tượng thực hiện TTHC NB:
- Cơ quan giải quyết TTHC NB:
- Kết quả thực hiện TTHC NB:
- Phí, lệ phí (nếu có):
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục a):
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB (nếu có):
- Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

n. Thủ tục n**II. Lĩnh vực...****1. Tên thủ tục a**

- Trình tự thực hiện:

- Cách thức thực hiện:
- Thành phần, số lượng hồ sơ:
- Thời hạn giải quyết:
- Đối tượng thực hiện TTHC NB:
- Cơ quan giải quyết TTHC NB:
- Kết quả thực hiện TTHC NB:
- Phí, lệ phí (nếu có):
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai *(nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục a)*:
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB (nếu có):
- Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

Lưu ý:

- Đối với những TTHC NB được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, ngoài việc nêu rõ thông tin trên, phải xác định rõ bộ phận nào của TTHC NB được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế *(bằng cách ghi chú ngay sau từng thủ tục)*.

- Đối với những TTHC NB bị bãi bỏ, không phải thống kê theo nội dung nêu trên nhưng phải xác định rõ tên TTHC NB bị bãi bỏ. Trường hợp TTHC NB đã được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Quyết định công bố phải ghi rõ số mã số TTHC NB, văn bản có quy định việc bãi bỏ TTHC NB.

Mẫu 02.**MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM,
ĐƠN GIẢN HÓA TTHC NB****BỘ/ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /BC-...

..., ngàytháng....năm

BÁO CÁO**Kết quả rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ****I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ RÀ SOÁT TTHC NỘI BỘ**

1. Số lượng TTHC đã rà soát/tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết.

2. Kết quả rà soát:

- Số lượng TTHC đề nghị bãi bỏ/ tổng số TTHC đã rà soát; số lượng TTHC đề nghị sửa đổi, bổ sung/ tổng số TTHC đã rà soát. Số lượng văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung để thực hiện phương án cắt giảm, đơn giản hóa: văn bản (nêu cụ thể số lượng từng loại văn bản). (*Phương án cắt giảm, đơn giản hóa tại Phụ lục I kèm theo*)

- Số lượng TTHC đề nghị giữ nguyên/ tổng số TTHC đã rà soát (*Danh mục TTHC đề nghị giữ nguyên tại Phụ lục II kèm theo*).

II. TỶ LỆ CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA TTHC VÀ CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC NỘI BỘ

1. Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa TTHC/ tổng số TTHC đã rà soát: Số lượng TTHC đề nghị bãi bỏ, sửa đổi bổ sung/tổng số TTHC đã rà soát; đơn vị tính: %.

2. Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa TTHC/ tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết: Số lượng TTHC đề nghị bãi bỏ, sửa đổi bổ sung/tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết; đơn vị tính: %.

3. Tỷ lệ cắt giảm chi phí thực hiện TTHC/ tổng số TTHC đã rà soát; đơn vị tính: %.

4. Tỷ lệ cắt giảm chi phí thực hiện TTHC/ tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết (ước tính); đơn vị tính: % (*Bản tổng hợp kết quả cắt giảm chi phí thực hiện TTHC nội bộ tại Phụ lục III kèm theo*).

Nơi nhận:

- TTgCP (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;

.....

- Lưu: VT.

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH*(Ký tên, dấu)***Nguyễn Văn A**

Phụ lục I
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
LĨNH VỰC.....

(Ban hành kèm theo Báo cáo số/BC-.... ngày... tháng... năm...
 của Bộ trưởng Bộ.../Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

1. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục:

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC NB, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC NB)

a).....

Lý do:.....

b).....

Lý do:.....

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ;
- Lộ trình thực hiện:

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hóa: đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hóa: đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: %.

.....

n. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục:

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐỀ NGHỊ GIỮ NGUYÊN
LĨNH VỰC.....

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số/BC-.... ngày... tháng... năm...
của Bộ trưởng Bộ.../Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.....)*

STT	Tên TTHC	Văn bản quy định TTHC NB
I	Lĩnh vực A	
1		
2		
n		
II	Lĩnh vực B	
1		
2		
n		

Phụ lục III
BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ CẮT GIẢM CHI PHÍ THỰC HIỆN
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

(Ban hành kèm theo Báo cáo số/BC-.... ngày... tháng... năm...
của Bộ trưởng Bộ.../Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

STT	Tên TTHC NB ¹	Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi ĐGH	Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi ĐGH	Chi phí cắt giảm được	Tỷ lệ cắt giảm chi phí (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)*100%
1					
2					
...					
n					
Tổng					

¹ Các TTHC nội bộ tại Phụ lục I